TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày: 26-09-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng và ông Chau Cương.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc*"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 08 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: bà Phan Thị D, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ A, khóm H, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: ông Trần Văn D1, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ I, khóm H, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Thị D trình bày:

Bà D có làm chủ hụi dây hụi 10.000.000đ, số người tham gia gồm 24 người, trong đó có bị đơn ông Trần Văn D1; sau khi ông D1 hốt dây hụi mà ông tham gia, ông D1 bỏ đi không chầu hụi chết, còn nợ bà D số tiền 200.000.000đ. Sau nhiều lần đòi nợ hụi thì ông D1 có viết Tờ thoả thuận ngày 15/07/2021 âm lịch; theo Tờ thoả thuận này, ông D1 thừa nhận còn nợ bà D 200 triệu và hứa trả cho bà D mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ ngày 15/07/2021 âm lịch nhưng không D1 không thực hiện theo thoả thuận này.

Vụ việc này, bà D có nộp đơn tại Toà án và lựa chọn thủ tục hoà giải tại Toà án và lựa chọn Hoà giải viên là ông Võ Thanh T. Kết quả tại buổi hoà giải, ông D1 đã thừa nhận còn nợ bà D số tiền 200.000.000đ và hứa mỗi tháng trả cho bà D

1.500.000đ nhưng không ông D1 cũng không thực hiện theo thoả thuận; do thiếu thủ tục nên không chuyển hồ sơ cho Toà án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành và hướng dẫn bà D nộp đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng.

Nay, bà D yêu cầu bị đơn ông Trần Văn D1 trả cho bà D số tiền còn nợ tiền hụi là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Quá trình tố tụng, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự về thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến Tòa nhưng chỉ có nguyên đơn bà D có mặt, bị đơn ông Trần Văn D1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 08/09/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng chỉ có mặt nguyên đơn bà D, bị đơn ông D1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà ông D1 tiếp tục vắng mặt lần 2; nguyên đơn bà D có mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu ông D1 trả số tiền 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất, không ai cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn D1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Việc ông D1 có tham gia dây hụi do bà D là chủ hụi và nợ tiền hụi chưa góp là 200.000.000 đồng đã được ông D1 thừa nhận tại Tờ thỏa thuận trả tiền hụi, cam kết trả mỗi tháng 2.000.000 đồng từ ngày 15/7/2021 âm lịch. Tại biên bản xác minh tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thể hiện: Trong giai đoạn hòa giải ông D1 có thừa nhận nợ tiền hụi của bà D là 200.000.000 đồng và cam kết trả 1.500.000 đồng một tháng. Qua đó thấy rằng việc ông D1 nợ tiền hụi của bà D là có thật được các bên thừa nhận, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố dụng dân sự.

Do D1 vi phạm nghĩa vụ viên không góp phần hụi của mình khi đến hạng, nên việc bà D yêu cầu ông D1 trả số tiền gốc hụi là 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn ông Trần Văn D1 được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và từ chối nhận các văn bản tố tụng nên không có cơ sở xem xét cho ông.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 280, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 15, Điều 16, Điều 21,Điều 22, Điều 24, Điều 25 của Nghị định 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi biêu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị D2. Buộc bị đơn ông Trần Văn D1 trả cho bà Phan Thị D số tiền gốc hụi là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng dân sự và bị đơn bị đơn ông Trần Văn D1 có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn D1 đã được Tòa án tống đạt tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[3] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của đương sự; xác minh tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án xác định được quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp hụi được thực hiện giữa bà Phan Thị D (chủ hụi) và ông Trần Văn D1 (hụi viên), dây hụi tháng 10.000.000đ/tháng, số người tham gia gồm 24 người, trong đó có bị đơn ông Trần Văn D1; quá trình thực hiện, ông D1 đã thực hiện quyền lãnh hụi thì ông D1 không chầu hụi chết, còn nợ bà D số tiền 200.000.000đ.

Mặc dù, việc các bên tham gia góp hụi không lập thành văn bản, khi phát sinh tranh chấp thì ông D1 có viết Tờ thoả thuận ngày 15/07/2021 âm lịch; theo Tờ thoả thuận thì ông D1 thừa nhận còn nợ bà D 200 triệu và hứa trả cho bà D mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ ngày 15/07/2021 âm lịch.

Vụ việc tranh chấp đã được Trung tâm hoà giải, đối thoại tiếp nhận hồ sơ giải quyết và theo kết quả xác minh, Hòa giải viên cho biết, ông Trần Văn D1 có thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Phan Thị D số tiền 200.000.000đ và hứa mỗi tháng trả 1.500.000đ cho đến khi hết nợ nhưng do sai sót về thủ tục nên không chuyển hồ sơ cho Toà án ra quyết định công nhận kết quả hoà giải tại Toà.

[4] Về nghĩa vụ chứng minh, ngyên đơn bà D khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với bị đơn ông Trần Văn D1, trong quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng ông D1 không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị D chỉ yêu cầu bị đơn ông Trần Văn D1 trả số tiền 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu của nguyên đơn bà D là là có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh tại Trung tâm hoà giải đối thoại tại Toà án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lãi suất chậm thanh toán, nguyên đơn bà D không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn D1 có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền được chấp nhận của nguyên đơn (200.000.000đ x 5%) là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Bà Phan Thị D người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị D.

Buộc ông Trần Văn D1 phải trả cho bà Phan Thị D số tiền 200.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú